

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2021/QĐHG-DS

Hải Phòng, ngày 29 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thẩm phán ra quyết định: Bà Nguyễn Ngọc Hà

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 280, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 13 tháng 9 năm 2021 về việc các bên thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- *Người khởi kiện:* Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận Ba Đình, Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc L – chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện An Dương, Bắc Hải Phòng (theo giấy ủy quyền số 339/UQ-NHNo.AD-TH ngày 31/5/2021).

- *Người bị kiện:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 4/21/51 D, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

**XÉT THẤY:**

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải là Ngân hàng N và ông Trần Văn H; nơi cư trú: Số 4/21/51 D, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

**2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:**

- Về số tiền dư nợ: Tính đến hết ngày 13/9/2021, ông Trần Văn H còn nợ Ngân hàng N số tiền là 86.103.819 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 71.825.000 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 13.540.786 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 587.850 đồng;
- + Phí phạt chậm trả: 150.183 đồng.

- Về phương án trả nợ:

Từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021 ông Trần Văn H sẽ trả cho Ngân hàng 1 triệu đồng/tháng vào tiền nợ gốc, từ tháng 1/2022 mỗi tháng ông H sẽ trả cho Ngân hàng 2 triệu đồng/tháng vào tiền nợ gốc. Đến ngày 31/12/2022 ông H sẽ tất toán toàn bộ khoản vay nêu trên cho Ngân hàng và khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc còn lại kể từ ngày 14/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 27/11/2017.

Nếu ông Trần Văn H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc ông Hòa phải trả cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải (14/9/2021), ông Trần Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.**

**4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.**

**5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các bên;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS đề thi hành;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc Hà**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐ:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An,

thành phố Hải Phòng thì ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG”; Ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO” nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

(2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;

(3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM.....

(4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.

(5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.

(9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.